TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thị Kim Thoa

2. Bà Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Nguyễn Thị X , sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn 19/5, xã P, Thành phố Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H , sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 3 N, xã B, tỉnh Tây Ninh.

(Bà X vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/04/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung H có quen biết nhau, sau khi phát sinh tình cảm thì tiến tới kết hôn vào ngày 08/6/2011 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Đăng Kh và Nguyễn Đ Kh (sinh cùng ngày 08/10/2011) và Nguyễn Quang Kh (sinh ngày 31/10/2017). Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ tháng 12/2025 đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung H .

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Đăng Kh và Nguyễn Đ Kh (sinh cùng ngày 08/10/2011) và Nguyễn Quang Kh (sinh ngày 31/10/2017). Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.170.000đồng/tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bà X vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không rõ lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp ly hôn là đúng thẩm quyền. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Ông H và bà X có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X cho rằng cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Các con chung gồm Nguyễn Đăng Kh , Nguyễn Đ Kh và Nguyễn Quang Kh đều có nguyện vọng được sống với bà X , đây là sự tự nguyện của các con, không bị ai ép buộc. Ông H vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân, không có ý kiến về nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X ; ngoài ra, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung chưa thành niên khi ông H và bà X ly hôn thì cần giao cả 03 con chung cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà X được giao nuôi cả 03 con chung và có yêu cầu ông H cấp dưỡng là phù hợp. Tài sản chung, nợ chung thì không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung H , ông H có địa chỉ tại xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà X có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn cũng như nuôi con chung và cấp dưỡng đối với bị đơn, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ hay yêu cầu gì của bị đơn mặc dù đã được Tòa án gửi bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng để bị đơn biết và thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X (CCCD số 070190008781) và ông Nguyễn Trung H (CCCD số 080090005116) có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh) nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, bà X cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, hiện nay tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H . Xét thấy, ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm trước yêu cầu ly hôn của bà X , thực tế hiện nay ông bà cũng không còn sống chung nhà. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X .

[2.2] Về con chung: Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà X và ông H có 03 con chung tên Nguyễn Đăng Kh và Nguyễn Đ Kh (cùng sinh ngày 08/10/2011) và Nguyễn Quang Kh (sinh ngày 31/10/2017). Bà X đề nghị khi ly hôn được nuôi cả 03 con chung, xét ý kiến của các con chung đều có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ và hiện nay các con chung cũng đang ở với bà X . Mặt

khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H hoàn toàn không có ý kiến hay có tranh chấp về con chung này. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho các con chung được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung chưa thành niên cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung khi ông H và bà X ly hôn, cần giao cả 03 con chung cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nhận thấy, việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con của cha, mẹ là như nhau, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi bà X và ông H ly hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của bà X và ông H . Do đó, việc bà X là người được trực tiếp nuôi 03 con chung mà có yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở xem xét. Xét mức cấp dưỡng mà bà X yêu cầu cho mỗi con chung là 1.170.000đồng/01 tháng là thấp hơn ½ mức lương tối thiểu vùng (áp dụng đối với vùng I nơi ông H đang cư trú), tuy nhiên đây là sự tự nguyện của nguyên đơn căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con chung nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 23/12/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà X trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung; ông H không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 23/12/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Trung H .

1.2 Về nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung tên Nguyễn Đăng Kh sinh ngày 08/10/2011, Nguyễn Đ Kh sinh ngày 8/10/2011 và Nguyễn Quang Kh sinh ngày 31/10/2017; ông Nguyễn Trung H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung, với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.170.000/01tháng (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng trên một tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị X đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010435 ngày 14/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Nguyễn Thị X đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND.KV4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Bình Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy